TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày: 06-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nông Văn Tôn
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lãnh Thị Mai;
2/ Bà Nguyễn Lê Hà Thanh;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*: Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/ QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Hầu Văn D**, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1955. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu A D1 (đã chết) và bà Hoàng Thị S (đã chết); vợ: Hầu Thị M; con: có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Lầu Thị D2**, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1975. Nơi sinh: C, H, Cao Bằng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A V (đã chết) và bà Vàng Thị M1 (đã chết); chồng: Giàng A N; con: có 08 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho các bị cáo Hầu Văn D và Lầu Thị D2:*

Bà Nguyễn Thị Dạ T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Ma Văn D3, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Là trưởng xóm đại diện cộng đồng xóm K. (Vắng mặt)

- Ông Giàng A L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)

** Nguyên đơn dân sự:*

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện B. (Có mặt)

** Người làm chứng:*

- Bà Sùng Thị N1, sinh năm 1947
- Bà Hoàng Thị D4, sinh năm 1983
- Bà Hầu Thị D5, sinh năm 1992
- Bà Trương Thị D6, sinh năm 1983
- Ông Hầu A M2, sinh năm 1982
- Bà Hầu Thị V1, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Những người làm chứng đều vắng mặt)

** Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:*

Ông Thào A S1; Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2023 Hạt kiểm lâm huyện B tiếp nhận tin báo của quần chúng nhân dân xóm K, xã S, huyện B về việc phá rừng tự nhiên trái phép tại xóm K, S, B, Cao Bằng. Sau khi nhận được thông tin, ngày 12/01/2023 Hạt kiểm lâm huyện B đã tiến hành điều tra xác minh ban đầu, kết quả: Diện tích rừng tự bị phá là 7.267m^2 thuộc lô 5, khoảnh 2A tiểu khu 113 là rừng tự nhiên phục hồi có chức năng phòng hộ, chủ quản lý là cộng đồng xóm B, S. Người thực hiện hành vi phá rừng là Hầu Văn D, sinh năm 1955 trú tại Khu Ổ, S, B, Cao Bằng và Lầu Thị D2, sinh năm 1975 trú tại Bản L, T, B, Cao Bằng.

Ngày 15/02/2023 Hạt kiểm lâm B, Cao Bằng phối hợp với các thành phần chức năng tiến hành đo đếm tại hiện trường xác định diện tích và trữ lượng gỗ bị chặt hạ tại xóm K, S, B, Cao Bằng. Phương pháp đo diện tích là dùng máy GPS nhãn hiệu MOTARA 680 để đo vẽ diện tích trên tọa độ VN2000 (sai số khi đo đếm máy thể hiện là ± 06m) và phương pháp đo đếm cây gỗ có đường kính ngang ngực ($D_{1.3}$) từ 6cm trở lên (đo chu vi thân cây cách vị trí gốc chặt 1.3m) và đo chiều cao vút ngọn từ gốc chặt đến đỉnh sinh trưởng của cây, sau đó tính thể tích thân cây rồi tính trữ lượng gỗ, kết quả: Vị trí do ông Hầu Văn D chặt phá là 3.346m^2 với tổng số cây bị chặt hạ là 197 cây có khối lượng gỗ là 9,404m^3. Tại vị trí do bà Lầu Thị D7 chặt phá là 3.921m^2 với tổng số cây bị chặt hạ là 250 cây có khối lượng gỗ là 22,743m^3. Các cây bị chặt hạ là cây bản địa thuộc nhóm gỗ thông thường từ nhóm V đến nhóm VII (Xoan hôi, V2,...) không có gỗ thuộc loại nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA, IIA. (Bút lục: 39 - 49)

Ngày 19/5/2023 Cơ quan điều tra phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C và các thành phần liên quan tiến hành đo đạc xác định diện tích thực tế rừng bị chặt hạ tại tại xóm K, S, B, Cao Bằng kết quả: Diện tích rừng do Hầu Văn D chặt phá là: 3.796,9m^2; Diện tích rừng do Lầu Thị D2 chặt phá là 4.785,8m^2.

Tại kết luận định giá tài sản số 04, ngày 25/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 9,404m^3 *(chín phẩy bốn trăm linh bốn mét khối)* gỗ thông thường có trị giá 3.573.520 đồng; 22,743m^3 *(hai mươi hai phẩy bảy trăm bốn mươi ba mét khối)* gỗ thông thường có trị giá 8.542.340 đồng.

Quá trình điều tra xác định được: Năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng, trong đó khu vực rừng bị chặt phá do Hầu Văn D và Lầu Thị D2 là rừng phòng hộ. Năm 2016, Cộng đồng xóm B, S, Bảo L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản đồ số 1 thửa đất số 145 có diện tích là 839.599m^2 mục đích sử dụng là rừng phòng hộ, thời gian sử là lâu dài. Tuy nhiên tại lô 5, thửa đất số 145, khoảnh 2A tiểu khu 113 của Cộng đồng xóm Bản Óong được gia đình Hầu Văn D và Giàng A L, sinh năm 1978 (người cùng xóm với D) quản lý, bảo vệ và sử dụng từ lâu không có tranh chấp với ai. Vào khoảng tháng 01năm 2023 Dinh nghĩ nương rẫy là của gia đình bỏ hoang từ lâu muốn trồng cây keo để phát triển kinh tế gia đình nên D nhờ Sùng Thị N1, sinh năm 1947; Hoàng Thị D4, sinh năm 1983; Hầu Thị D5, sinh năm 1992; Trương Thị D6, sinh năm 1983; Hầu A M2, sinh năm 1982 và Hầu Thị V1, sinh năm 1984 (đều cùng xóm với Hầu Văn D) đi giúp phát nương rẫy trong 01 ngày thì xong. Ngoài ra, vào cuối năm 2022 có Lầu Thị D2 cùng con gái là Giàng Thị M3, sinh năm 2009 và Giàng Thị M4 sinh năm 2012 đến xã S sinh sống (nhưng không đăng ký tạm trú) do không có đất để canh tác nên vào khoảng

tháng 01 năm 2023 Dếnh đến tìm L để hỏi mượn đất trồng ngô, do không có nhu cầu sử dụng đất cũng như nghĩ đây là đất rừng của gia đình nên L đồng ý, sau đó L dẫn Dếnh đến chỉ vị trí ranh giới đất của gia đình L với gia đình của Hầu Văn D8 cho D2 biết. Sau khi mượn được đất D2 cùng M3 và M4 dùng dao quắm đi phát cỏ, chặt hạ các cây trong vòng 03 ngày thì xong. Quá trình chặt, phá rừng D và D2 không làm thủ tục xin phép khai thác đến chính quyền địa phương.

Tại cơ quan điều tra, Hầu Văn D và Lầu Thị D2 đã thừa nhận hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSBL ngày 05/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Hầu Văn D và Lầu Thị D2 về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hầu Văn D và Lầu Thị D2 phạm tội "Hủy hoại rừng";

- Về hình phạt đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hầu Văn D từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Thị D2 từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước giá trị lâm sản bị thiệt hại tương ứng với kết luận định giá.

- Về xử lý vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự: các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, mục đích phá rừng mong muốn có đất để tăng gia sản xuất, các bị cáo đều là hộ nghèo. Dó đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt và miễn phần trách nhiệm bồi thường dân sự cho cả hai bị cáo.

* Ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, tôi nhất trí đối với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng về tội danh, điều luật đã truy tố về hành vi của các bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1, Điều 243 là có căn cứ pháp luật; tuy nhiên, với tư cách là người bào chữa tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các yếu tố sau: nhân thân người phạm tội, về trình độ học vấn, nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại nơi có điều kiện khó khăn, vùng sâu, vùng xa, quanh năm gắn bó với lao động trồng trọt, nên ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức hiểu biết pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngày 10/8/2023 bị cáo Hầu Văn D đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng, (bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0001393), để khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Hầu Văn D; và xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Lầu Thị D2 và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng tháng 01 năm 2023 tại khu rừng thuộc lô 5 thửa đất số 145 khoảnh 2A tiểu khu 113 thuộc xóm K, S, B, Cao Bằng có trạng thái là rừng phòng hộ rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo do Cộng đồng xóm B, S, B, Cao Bằng quản lý có Hầu Văn D và Lầu Thị D2 đã có hành vi chặt, phá rừng trái

phép trong đó diện tích rừng bị Hầu Văn D hủy hoại là 3.767,9m^2 số cây bị chặt hạ là 197 cây có khối lượng 9,404m^3 gỗ thông thường trị giá 3.573.520 đồng; diện tích rừng bị Lầu Thị D2 hủy hoại là 4.785,8m^2 số cây bị chặt hạ là 250 cây có khối lượng 22,743m^3 gỗ thông thường trị giá 8.542.340 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hầu Văn D và Lầu Thị D2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường hệ sinh thái tự nhiên.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hầu Văn D sinh ra và lớn lên tại xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng, sau đó chuyển đến xã S để sinh sống, bị cáo không được đi học. Bị cáo lầu Thị D9 sinh ra và lớn lên tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng, bị cáo không được đi học, sau này lấy chồng và chuyển về sinh sống tại xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lầu Văn D10 đã tự nguyện nộp một khoản tiền để bồi thường thiệt hại với mong muốn khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, từ nhỏ không được đi học nên phần nào ảnh hưởng đến nhận thức của bị cáo, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng đường lối chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lầu Thị D2, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, từ nhỏ không được đi học nên phần nào ảnh hưởng đến nhận thức của bị cáo, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng đường lối chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

Gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo đang phải nuôi 03 đứa con nhỏ, hàng năm không đủ ăn, việc bị cáo phá rừng cũng chỉ nhằm mục đích lấy đất để trồng ngô để có thêm lương thực phục vụ nhu cầu hàng ngày của gia đình. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo không có: Tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần đưa ra một mức án phù hợp để giám sát giáo dục các bị cáo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong vụ án này đối với Sùng Thị N1, Hoàng Thị D4, Hầu Thị V1, Hầu Thị D5, Trương Thị D6, Hầu A M2 là những người được Hầu Văn D nhờ đi giúp phát cỏ và chặt các cây nhỏ, những người trên không tham gia bàn bạc cũng như không biết về việc phá rừng trái phép của Hầu Văn D. Còn Giàng Thị M4 và Giàng Thị M3 là con gái của D2 (đều dưới 14 tuổi) thấy mẹ phát rẫy trồng ngô nên đi phụ giúp mẹ phát rẫy. Đối với Giàng A L là người cho D2 mượn đất để trồng ngô không nhận bất kỳ lợi ích gì, L không biết việc D2 chặt phá rừng, chỉ nghĩ sau khi chỉ cho D2 vị trí ranh giới đất giữa nhà L với nhà Hầu Văn D thì D2 chỉ phát cỏ trồng ngô xen kỹ với các cây khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm đối với những người trên là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với đề nghị của nguyên đơn dân sự và người bào chữa, đề nghị miễn trách nhiệm dân sự cho hai bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định, do đây là tài sản Nhà nước bị thiệt hại, người gây ra thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ, do đó không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn dân sự và người bào chữa.

Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại do bị cáo Hầu Văn D gây ra là 3.573.520 đồng, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước. Xác nhận bị cáo Hầu Văn D đã tạm nộp số tiền 3.000.000đ, theo biên lai thu tiền số: 0001393, ngày 10/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo còn phải nộp số tiền 573.520đ (*Năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại do bị cáo Lầu Thị D2 gây ra là 8.542.340 đồng (*Tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước số tiền trên.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ma Văn D11, Giàng A L, quá trình điều tra không có ý kiến hay yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 con dao quắm bị gãy cán (đã qua sử dụng); 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 55cm, rộng 03 cm (đã qua sử dụng); 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 47cm, rộng 04 cm (đã qua sử dụng); 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 57cm, rộng 05 cm (đã qua sử dụng). Xác định là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 447 cây gỗ thông thường có khối lượng 32,147m³ (*Ba mươi hai phẩy một trăm bốn mươi bảy mét khối*), hiện đang để tại hiện trường vụ việc, giao cho UBND xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng xử lý tận thu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí theo quy định và đã có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hầu Văn D và Lầu Thị D2 phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hầu Văn D **12** (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Thị D2 **15** (*Mươi lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30** (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Giao cho UBND xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng xử lý tận thu theo quy định của pháp luật đối với 447 cây gỗ thông thường có khối lượng 32,147m³ (*Ba mươi hai phẩy một trăm bốn mươi bảy mét khối*), hiện đang để tại hiện trường vụ việc. Theo biên bản giao nhận giữa Hạt kiểm lâm huyện B và Ủy ban nhân dân xã S, huyện B ngày 07/4/2023.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm bị gãy cán; 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 55cm, rộng 03 cm; 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 47cm, rộng 04 cm; 01 con dao kim loại màu đen, chuôi gỗ dài 57cm, rộng 05 cm (Toàn bộ vật chứng đã qua sử dụng)

(Toàn bộ vật chứng đã được giao tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 01 ngày 09/10/2023).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Hầu Văn D phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 3.573.520đ (*Ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng*). Xác nhận bị cáo Hầu Văn D đã tạm nộp số tiền 3.000.000đ, theo biên lai thu tiền số: 0001393, ngày 10/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo còn phải thực hiện nộp số tiền còn lại là 573.520đ (*Năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lầu Thị D2 phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 8.542.340đ (*Tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu bị cáo chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh;
- Công an huyện Bảo Lạc;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nông Văn Tôn